

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 600/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 15 tháng 4 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

Chương trình (Programme):	Kỹ sư Quản lý đất đai (Engineer of Land Management)
Trình độ đào tạo (Level of Education):	Đại học (Undergraduate)
Ngành đào tạo (Major):	Quản lý đất đai (Land Management)
Mã ngành đào tạo (Code):	7850103
Loại hình đào tạo (Type of Education):	Chính quy (Full-time)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư ngành quản lý đất đai có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý đất đai; có khả năng tiếp cận và tham gia phân tích, hoạch định chính sách quản lý về đất đai, đáp ứng yêu cầu công tác Quy hoạch, Trắc địa bản đồ, Quản lý nhà nước về đất đai trong thời đại công nghệ 4.0.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

MT1. Có kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống;

MT2. Có kiến thức về đo đạc, thành lập các loại bản đồ chuyên đề, đánh giá biến động đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai để phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai; công nghệ viễn thám, GIS, GPS... ứng dụng trong quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường;

MT3. Có kiến thức về chính sách và pháp luật đất đai, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về đất đai, giao đất, cho thuê đất, đấu giá đất, tài chính về đất đai, công tác kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cập nhật, chỉnh lý và quản lý hồ sơ địa chính; thống kê và kiểm kê đất đai;

MT4. Có kiến thức về đánh giá tiềm năng đất đai, định hướng sử dụng đất, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và nông thôn, phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất, giải quyết tranh chấp, đơn thư khiếu nại, tố cáo về đất đai; quản trị bất động sản, giao tiếp đàm phán trong kinh doanh BĐS, quản lý điều hành sàn giao dịch BĐS.

1.2.2. Về kỹ năng

MT5. Kỹ năng sử dụng thành thạo các loại máy trắc địa, các phần mềm chuyên ngành theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; xây dựng hệ tổng thông tin đất đai, cập nhật kiến thức liên quan đến công nghệ, kỹ thuật đo đạc, giải đoán ảnh viễn

thám, xây dựng bản đồ địa chính, địa hình, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ thổ nhưỡng, các loại bản đồ chuyên đề khác;

MT6. Kỹ năng quản lý và sử dụng đất đai; vận dụng kiến thức pháp luật đất đai tham gia tư vấn về đất đai, quản lý hành chính Nhà nước về đất đai, thực hiện thanh tra giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai;

MT7. Kỹ năng hoàn thiện được hồ sơ kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lập và điều chỉnh đồ án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới; Kỹ năng định giá bất động sản tư vấn, môi giới, quản trị BĐS trong kinh doanh BĐS;

MT8. Kỹ năng làm việc theo nhóm, Kỹ năng quản lý và lãnh đạo quản lý, điều khiển, phân công, đánh giá hoạt động của tập thể, kỹ năng đàm phán, diễn thuyết, ứng xử và giao tiếp hiệu quả trong các công; Kỹ năng soạn thảo viết báo cáo và lưu trữ văn bản hành chính theo đúng quy định của Bộ Nội Vụ.

1.2.3. Về thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

MT9. Có tư duy sáng tạo và luôn học tập cập nhật, đổi mới kiến thức, có trách nhiệm, trung thực, chính xác và hiệu quả trong công việc. Lập trường tư tưởng vững vàng, yêu ngành, yêu nghề, năng động sáng tạo trong công việc và sẵn sàng làm việc ở vùng nông thôn, miền núi...

MT10. Có đạo đức nghề nghiệp tốt, tác phong làm việc chuyên nghiệp, trung thực, tôn trọng các phong tục tập quán và văn hoá truyền thống của các cộng đồng, có trách nhiệm với xã hội, thực hiện theo qui định của pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước.

1.2.4. Về Trình độ ngoại ngữ và tin học

MT11. Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh theo Quyết định số 2441/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp.

MT12. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quyết định số 2440/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Về kiến thức:

CDR1. Hiểu được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống;

CDR2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về tin học và ngoại ngữ, khoa học tự nhiên và xã hội đáp ứng yêu cầu các hoạt động chuyên môn có liên quan;

CDR3. Hiểu và tư vấn được cơ chế chính sách và pháp luật đất đai, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về đất đai, giao đất, cho thuê đất, chế độ quản lý một số loại đất, đấu giá đất, tài chính về đất đai; Vận dụng được kiến thức trong công tác kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cập nhật, chỉnh lý và quản lý hồ sơ địa chính; thống kê và kiểm kê đất đai.

CDR4. Vận dụng được kiến thức chuyên môn về công nghệ viễn thám, GIS, GPS... ứng dụng trong quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường. Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành để đo đạc, thành lập các loại bản đồ chuyên đề, đánh giá biến động đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai để phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai;

CDR5. Hiểu được kiến thức về đánh giá tiềm năng đất đai, định hướng sử dụng đất, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và nông thôn, phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất; Vận dụng các kiến thức về pháp luật đất đai, luật dân sự để giải quyết tranh chấp, đơn thư khiếu nại, tố cáo về đất đai.

CDR6. Nắm vững kiến thức về bất động sản như tư vấn BĐS, môi giới BĐS, kỹ năng marketing và bán hàng BĐS, quản trị bất động sản, giao tiếp đàm phán trong kinh doanh BĐS, quản lý điều hành sàn giao dịch BĐS, đầu tư BĐS, các phương pháp định giá bất động sản và thị trường bất động sản.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp:

CDR7. Có kỹ năng đo đạc, tính toán bình sai các dạng lưới không chế phục vụ thành lập các loại bản đồ; kỹ năng giải đoán ảnh viễn thám, xây dựng bản đồ địa chính, địa hình, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ thổ nhưỡng, các loại bản đồ chuyên đề khác;

CDR8. Có kỹ năng sử dụng thành thạo các loại máy trắc địa, các phần mềm chuyên ngành Quản lý đất đai và các phần mềm hỗ trợ khác theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, xây dựng hệ tổng thông tin đất đai; Có khả năng cập nhật kiến thức liên quan đến công nghệ, kỹ thuật đo đạc, văn bản pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai, đề xuất giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác quản lý đất đai và công việc liên quan khác;

CDR9. Có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật đất đai tham gia tư vấn về đất đai, quản lý hành chính Nhà nước về đất đai, thực hiện thanh tra giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai, kỹ năng hoàn thiện được hồ sơ kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cập nhật, chỉnh lý và quản lý hồ sơ địa chính, thống kê và kiểm kê đất đai;

CDR10. Có khả năng lập và điều chỉnh đồ án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

CDR11. Có khả năng định giá bất động sản phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất, xây dựng bảng giá đất và xác định giá đất cụ thể, Có khả năng tư vấn, môi giới, quản trị BĐS trong kinh doanh BĐS.

2.2.2. Kỹ năng mềm:

CDR12. Kỹ năng làm việc theo nhóm: Có kỹ năng cộng tác, hình thành nhóm, làm việc theo nhóm, phát triển nhóm; tổng hợp được ý kiến tập thể, thích ứng và làm việc hiệu quả trong các tập thể đa ngành, đa lĩnh vực;

CDR13. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo: Có kỹ năng quản lý, điều khiển, phân công, đánh giá hoạt động của tập thể; Có kỹ năng phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; Có khả năng đàm phán, thuyết phục và đưa ra quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân thủ quy định của pháp luật;

CDR14. Kỹ năng giao tiếp: Có kỹ năng đàm phán, diễn thuyết, ứng xử và giao tiếp hiệu quả trong các công việc của lĩnh vực quản lý đất đai cũng như trong cuộc sống;

CDR15. Kỹ năng viết báo cáo: Có kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu khoa học và báo cáo thuyết minh dự án thuộc lĩnh vực quy hoạch, định giá bất động sản, đo đạc thành

lập bản đồ chuyên ngành, kỹ năng soạn thảo và lưu trữ văn bản hành chính theo đúng quy định của Bộ Nội Vụ.

2.3. Về thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

CDR16. Có lập trường tư tưởng vững vàng, tư duy sáng tạo, yêu ngành, yêu nghề, năng động trong công việc và sẵn sàng làm việc ở vùng nông thôn, miền núi, luôn học tập cập nhật, đổi mới kiến thức, có trách nhiệm, chính xác và hiệu quả trong công việc;

CDR17. Có đạo đức nghề nghiệp tốt trong việc thực hiện các công việc chuyên môn như trung thực với các kết quả đo đạc, phân tích đất, xử lý hồ sơ về đất đai.

CDR18. Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, trung thực trong báo cáo với cấp trên và đồng nghiệp, luôn nhiệt tình, niềm nở và tận tâm khi phục vụ người dân đến giao dịch hoặc khi thực hiện các công việc chuyên môn với các bên liên quan;

CDR19. Có trách nhiệm với xã hội, thực hiện theo qui định của pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước, tôn trọng các phong tục tập quán và văn hoá truyền thống của các cộng đồng, có ý thức chia sẻ và học hỏi người dân và cộng đồng, thực hiện và tuyên truyền tốt chính sách đất đai.

2.4. Về ngoại ngữ, tin học

CDR20. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ thực hiện theo Quyết định số 2441/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp.

CDR21. Chuẩn đầu ra tin học thực hiện theo Quyết định số 2440/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp.

2.5. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp

Kỹ sư Quản lý đất đai có thể đảm nhận các vị trí như sau:

- Có khả năng đảm nhiệm công tác quản lý và điều hành: Cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật.

- Làm cán bộ công chức, viên chức hay cán bộ kỹ thuật tại các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương về lĩnh vực Quản lý đất đai như: Bộ Tài nguyên

- Môi trường, Sở Tài nguyên - Môi trường các tỉnh, Các Trung tâm kỹ thuật tài nguyên, Trung tâm phát triển quỹ đất, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên - Môi trường, Văn phòng đăng ký, trung tâm phát triển quỹ đất các quận/huyện, Cán bộ Địa chính xã/phường.

- Chuyên viên cho các UBND các cấp Tỉnh/Thành Phố, Quận/huyện; các Viện nghiên cứu như: Viện nghiên cứu Địa chính, Viện Tài nguyên - Môi trường, Viện Quy hoạch - Thiết kế, Cục đo đạc bản đồ, Cục Quản lý đất đai, Chi cục Quản lý đất đai các tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Khoa học Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Làm cán bộ công chức, viên chức hay cán bộ kỹ thuật tại các Chi cục, Trung tâm hoặc Văn phòng như: Chi cục quản lý đất đai, Chi cục môi trường, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên đất và Môi trường; Trung tâm khai thác và kinh doanh bất động sản; các Khu Công nghiệp; Khu Kinh tế...

- Làm tư vấn cho các công ty như: Công ty đo đạc, Công ty môi giới và định giá bất động sản; các dự án liên quan đến đất đai và bất động sản, các đơn vị thẩm định giá (ngân hàng, công ty thẩm định giá...).

- Làm giảng viên hay nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực Quản lý đất đai, Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các Cơ sở giáo dục đào tạo có các ngành nghề về nông nghiệp, Hiệp hội, trung tâm dạy nghề.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA **151 Tín chỉ**

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Về phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

Về đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT và tương đương trở lên, có đủ điều kiện theo quy chế hiện hành của bộ GDĐT.

Về phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo tổ hợp các môn thi tốt nghiệp THPT quốc gia và Xét tuyển học bạ THPT.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thời gian đào tạo là 4,5 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Lâm nghiệp về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1 Cấu trúc về kiến thức

Khối kiến thức học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương	35	23,2
<i>1.1. Học phần bắt buộc theo quy định</i>	<i>21</i>	<i>13,9</i>
<i>1.2. Các học phần của Trường</i>	<i>10</i>	<i>6,6</i>
<i>1.3. Học phần tự chọn</i>	<i>04</i>	<i>2,6</i>
<i>1.4. Giáo dục thể chất</i>	<i>03</i>	<i>Theo quy định hiện hành</i>
<i>1.5. Giáo dục quốc phòng</i>	<i>11</i>	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	69	45,7
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	<i>29</i>	<i>19,2</i>
2.1.1. Học phần bắt buộc	24	15,9
2.1.2. Học phần tự chọn	05	3,3
<i>2.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành</i>	<i>40</i>	<i>26,5</i>
2.2.1. Học phần bắt buộc	36	23,8
2.2.2. Học phần tự chọn	04	2,6
III. Kiến thức bổ trợ	27	17,9
IV. Thực tập nghề nghiệp	10	6,6
V. Tốt nghiệp	10	6,6
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	151	100

7.2. Nội dung chương trình

TT	Khối kiến thức, Học phần	Số TC	Phân bổ thời lượng											Tiên quyết
			Lý thuyết		BT/TL		BT lớn		TN/TH		Thực tập		Tự học	
			TC	TT	TC	TT	TC	TT	TC	TT	TC	TT		
I.	Khối kiến thức đại cương	35												
1.1	Các học phần bắt buộc theo quy định	21												
1	Triết học Mác-Lênin	3	31	31	14	28								Theo quy định hiện hành
2	Kinh tế tế chính trị Mác-Lênin	2	21	21	9	18								
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	21	9	18								
4	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	21	21	9	18								
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	25	5	10								
6	Tiếng Anh 1	3	30	30	15	30								
7	Tiếng Anh 2	3	30	30	15	30								
8	Tin học đại cương	2	20	20					10	20				
9	Pháp luật đại cương	2	25	25	5	10								
1.2	Các học phần của Trường	10												
10	Toán cao cấp C	4	45	45	15	30								
11	Xác suất thống kê	3	35	35	10	20								
12	Hoá học đại cương	3	30	30	5	10			10	20				
1.3	Các học phần tự chọn	4												
13	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	25	25	5	10								
14	Đánh giá nông thôn	2	25	25	5	10								
15	Tâm lý học	2	25	25	5	10								
16	Xã hội học	2	25	25	5	10								
17	Kỹ năng giao tiếp	2	25	25	5	10								
18	Địa lý kinh tế	3	40	40	5	10								
1.4	Học phần Giáo dục thể chất	3	Theo quy định hiện hành											
1.5	Học phần Giáo dục quốc phòng	11												
II	Khối kiến thức GDCN	89												

2.1	Kiến thức cơ sở ngành	29												
2.1.1	Các học phần bắt buộc	24												
19	Khoa học đất đai cương	3	30	30					15	30				12
20	Trắc địa	3	30	30					15	30				
21	Bản đồ học	3	35	35	10	20								
22	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	3	25	25					20	40				
23	Luật Đất đai	3	40	40	5	10								9
24	Trắc địa ảnh & viễn thám	3	30	30					15	30				20
25	Nông nghiệp đại cương	3	40	40	5	10								19
26	Đánh giá đất đai	3	30	30	5	10			10	20				19
2.1.2	Các học phần tự chọn	5												
27	Đánh giá tác động môi trường	2	25	25	5	10								
28	Quản lý tài nguyên nước	2	25	25	5	10								
29	Sinh thái môi trường	2	20	20	5	10			5	10				
30	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	30	30					15	30				
31	Tiếng Anh chuyên ngành QLDD	2	25	25	5	10								6,7
32	Định giá tài nguyên	3	40	40	5	10								
33	Quản lý dự án	3	35	35	5	10	5	15						
34	Kinh tế tài nguyên	3	40	40	5	10								
35	Kinh tế vi mô 1	3	40	40	5	10								
36	Kinh tế vĩ mô 1	3	40	40	5	10								
37	Quản lý thuế	3	40	40	5	10								
38	Luật kinh tế	3	40	40	5	10								
39	Kinh tế lượng 1	3	35	35	10	20								
40	Kinh tế đầu tư	3	35	35	10	20								
41	Trắc địa công trình	2	20	20					10	20				
42	Bản đồ địa hình	2	20	20					10	20				
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	40												
2.2.1	Các học phần bắt buộc	36												
43	Trắc địa địa chính	3	30	30					15	30				20
44	Quy hoạch đất đai và bất động sản	3	30	30	15	30								26

45	Quản lý hành chính về đất đai	3	35	35	10	20								23
46	Định giá bất động sản 1	3	30	30	5	10			10	20				43
47	Thị trường bất động sản	2	20	20	10	20								
48	Hệ thống định vị toàn cầu	2	20	20	10	20								20
49	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai	3	20	20					25	50				22
50	Bản đồ địa chính	3	30	30					15	30				21
51	Đăng ký và thống kê đất đai	3	30	30	15	30								46
52	Thanh tra đất đai	2	20	20	10	20								46
53	Hệ thống thông tin đất đai (LIS)	3	20	20					25	50				50
54	Đồ án quy hoạch sử dụng đất	2	5	5			25	75						32
55	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2	20	20	10	20								47
56	Quy hoạch XD nông thôn	2	20	20	10	20								
2.2.2	Các học phần tự chọn	4												
57	Kinh tế đất	2	25	25	5	10								
58	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế XH	3	35	35	10	20								45
59	Sinh thái cảnh quan	2	25	25	5	10								
60	Nguyên lý quy hoạch cảnh quan	2	25	25	5	10								
61	Hệ thống nông nghiệp	2	25	25	5	10								26
62	Marketing Bất động sản	2	20	20	10	20								23
63	Kỹ năng làm việc nhóm	2	25	25	5	10								
64	Xây dựng bản đồ bằng QGIS	2	10	10					20	40				22
65	Thị trường chứng khoán	3	35	35	10	20								
66	Phân tích kinh doanh	3	35	35	10	20								
67	Tài chính tiền tệ	3	35	35	5	10	5	15						
68	Tài chính doanh nghiệp	3	35	35	10	20								
69	Thuế	2	20	20	10	20								
70	Lập trình chuyên ngành	2	15	15					15	30				
71	Ảnh hàng không	2	10	10					20	40				
72	Kỹ thuật xây dựng bản đồ số	2	10	10					20	40				
73	Ứng dụng Mapinfo trong quản lý đất đai	2	10	10					20	40				

74	Ứng dụng ArcGis trong quản lý đất đai	2	10	10					20	40				
2.3	Kiến thức bổ trợ	27												
75	Các phương pháp xử lý số liệu đo đạc	3	30	30	15	30								
76	Ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai	3	30	30					15	30				
77	Ứng dụng Auto CAD trong quản lý đất đai	2	10	10					20	40				
78	Quản lý nhà nước về đô thị và nhà ở	2	20	20	10	20								
79	Sử dụng đất và biến đổi khí hậu	2	20	20	10	20								
80	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn	2	25	25	5	10								
81	Quy hoạch sản xuất nông nghiệp	2	20	20	10	20								
82	Kinh doanh bất động sản	2	25	25	5	10								
83	Môi giới bất động sản	3	30	30	15	30								
84	Quản lý đất nông nghiệp bền vững	2	20	20	10	20								
85	Cảnh quan nông lâm kết hợp	2	20	20	10	20								
86	Tham vấn cộng đồng trong QL đất đai	2	20	20	10	20								
2.4	Thực tập nghề nghiệp	10												
87	Thực tập nghề nghiệp 1	5												
88	Thực tập nghề nghiệp 2	5												
2.5	Tốt nghiệp	10												
Tổng số tín chỉ tích lũy		151												